CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THAC MO HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
	Independence – Freedom - Happiness
Số: 3076/TMP-TCKT	*Đồng Nai, ngày 07 tháng 11 năm 2026*
No.:	*Dong Nai, November 07, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: ***- State Securities Commission of Vietnam;***
- HoChiMinh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ/ *Thac Mo Hydropower Joint Stock Company***.

- Mã chứng khoán/*Stock code*: **TMP**.

- Địa chỉ/*Address*: Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, thành phố Đồng Nai/ *Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai City*.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") công bố Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (kèm theo Quyết định số 480/QĐ-HĐQT ngày 06/11/2026)/ *Thac Mo Hydropower Joint Stock Company ("the Company") hereby announces the Resolution of the Board of Directors approving the adjustments and supplements to the 2026 Production and Business Plan (attached herewith is Resolution No. 480/QĐ-HĐQT dated November 06, 2026).*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/11/2026 tại đường dẫn https://tmhpp.com.vn/co-dong./*This information was published on the Company's website on November 07, 2026 as in the link: https://tmhpp.com.vn/co-dong*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.*

Nơi nhận:
Recipients:
- Như trên/*As above*;
- CT.HĐQT/ *Chairman of the BOD*;
- Lưu: VT, TCKT/ *Archive: Clerk, Finance and Accounting Dept*.

ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
REPRESENTATIVE OF THAC MO HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
NGƯỜI ĐẠI ĐIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC/*GENERAL DIRECTOR*
Nguyễn Lê Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 480/QĐ-HĐQT	*Đồng Nai, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/06/2026;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ban hành kèm theo Quyết định số 667/QĐ-TMP-HĐQT ngày 05/07/2023;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-HĐQT ngày 15/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 479/NQ-HĐQT ngày 06/11/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ;

Xem xét Tờ trình số 3057/TTr-TMP ngày 05/11/2026 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, bao gồm một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh chi phí O&M năm 2026, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2026 đã duyệt	Kế hoạch 2026 điều chỉnh
1	Vật liệu cố định	Triệu đồng	9.130	10.147
2	Tiền lương và BHXH	Triệu đồng	36.175	36.175
3	Dịch vụ mua ngoài khác	Triệu đồng	35.326	35.097

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2026 đã duyệt	Kế hoạch 2026 điều chỉnh
4	Sửa chữa lớn	Triệu đồng	47.071	38.994
5	Chi phí khác bằng tiền	Triệu đồng	34.651	45.736
	Tổng cộng O&M	**Triệu đồng**	**162.353**	**166.149**
	Công suất lắp đặt (MW)	**MW**	**190,8**	**190,8**
	Chỉ tiêu O&M/MW	**Trđ/MW**	**850,90**	**870,80**

Chi tiết các hạng mục bổ sung kế hoạch năm 2026 như Phụ lục I đính kèm.

2. Điều chỉnh, bổ sung TSCĐ năm 2026

TT	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
I	**Điều chỉnh sang danh mục mua sắm TSCĐ**	**10.602,33**
1	Máy tính xách tay loại 1	138,00
2	Máy tính xách tay loại 2	259,70
3	Màn hình tương tác	71,50
4	Thiết bị hội nghị trực tuyến	98,75
5	Thiết bị chuyển mạch	68,23
6	Tivi 85 inch	40,41
7	Camera họp trực tuyến Zoom	42,77
8	Thiết bị hội nghị truyền hình	505,79
9	Hệ thống điều khiển và bảo vệ nhà máy TĐTM	8.077,19
9.1	Máy chủ dữ liệu - Full Server	729,08
9.2	Máy chủ dữ liệu quá khứ và trạm báo cáo - Historical Server	364,54
9.3	Máy chủ kỹ thuật tích hợp chức năng quản lý RLBV - Engineering Station and Protection Relay Management	364,54
9.4	Phần mềm SCADA	5.621,00

TT	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
9.5	Phần mềm lập trình cho hệ thống LCU, BCU và MU	722,70
9.6	Phần mềm quản lý hệ thống rơle bảo vệ	178,97
9.7	Phần mềm văn phòng Microsoft Office, phần mềm cơ sở dữ liệu	96,36
10	Hệ thống nghịch lưu NMTĐ Thác Mơ	1.299,99
II	**Bổ sung danh mục mua sắm TSCĐ**	**714,00**
1	Máy khắc laser fiber, khắc màu	180,00
2	Xe ô tô điện nội bộ	534,00
	TỔNG (I) + (II)	**11.316,33**

Nội dung chi tiết như Tờ trình số 3057/TTr-TMP ngày 05/11/2026 của Tổng giám đốc Công ty.

Điều 2. Giao Tổng giám đốc Công ty căn cứ tình hình thực tế tổ chức triển khai các hạng mục trong phạm vi kế hoạch được chấp thuận theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị, cá nhân và tổ chức liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, KHVT, NPTQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Huỳnh Văn Khánh

PHỤ LỤC I

HẠNG MỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số 480/QĐ-HĐQT ngày 06/11/2026)

TT	Nội dung	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
1	Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy H2	1.242.000.000	99.360.000	1.341.360.000
2	Vật tư, thiết bị phục vụ an toàn vận hành và bảo vệ công trình			
	Lắp đặt trạm cảnh báo xả nước phục vụ an toàn vùng hạ du	165.283.000	13.222.640	178.505.640
	Bổ sung chiếu sáng, camera giám sát và biển báo an toàn công trình	921.305.063	74.159.305	995.464.368
3	Khắc phục hư hỏng, xuống cấp các công trình phục vụ SXKD			
	Sửa chữa kho vật tư A	*390.334.575*	32.320.166	422.654.741
	Sửa chữa hư hỏng nhà bảo vệ và tường rào	*184.113.041*	14.729.043	198.842.084
4	Thực hiện chương trình an sinh xã hội năm 2026	1.660.000.000	-	1.660.000.000
5	Khắc phục hư hỏng, bảo dưỡng các trạm inverter Nhà máy điện mặt trời	2.242.750.000	179.420.000	2.422.170.000
6	Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy H1	1.178.600.000	94.288.000	1.272.888.000
7	Sửa chữa công trình sản xuất, hệ thống bảo vệ và hạ tầng vận hành nhà máy			
	Sửa chữa tòa nhà máy thủy điện	*1.679.001.964*	*134.320.157*	*1.813.322.121*
	Sửa chữa và khắc phục xuống cấp nhà tời đập tràn	*232.448.012*	*18.595.841*	*251.043.853*
8	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ quản lý, điều hành và sinh hoạt của công nhân vận hành			

TT	Nội dung	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)
	Sửa chữa hạ tầng khuôn viên trụ sở Công ty	*973.844.653*	*77.907.572*	*1.051.752.225*
	Sửa chữa nhà ở công nhân vận hành khu B	*1.360.788.723*	*108.863.098*	*1.469.651.821*
	Sửa chữa thấm dột và hư hỏng nhà làm việc Đồng Xoài	*196.121.116*	*15.689.690*	*211.810.806*
9	Cập nhật, bổ sung bộ tiêu chuẩn kỹ thuật IEC, IEEE phục vụ quản lý vận hành và thí nghiệm thiết bị điện	117.205.200	9.376.416	126.581.616
10	Tư vấn kỹ thuật phục vụ an toàn hồ đập và chuẩn bị các công trình sửa chữa, nâng cấp năm 2027			
	Khảo sát, thiết kế cải tạo phòng điều khiển tập trung phục vụ công tác quản lý vận hành	*71.077.981*	*5.686.238*	*76.764.219*
	Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật nâng cấp hệ thống điện tự dùng A1, A2	*408.856.615*	*32.708.529*	*441.565.144*
	Khảo sát, thiết kế sửa chữa lớn cửa nhận nước năm 2027	*427.398.665*	*34.191.893*	*461.590.558*
	Rà soát, cập nhật bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ thủy điện Thác Mơ	738.945.687	*59.115.655*	*798.061.342*
	TỔNG CỘNG	**14.190.074.295**	**1.003.954.243**	**15.194.028.538**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3057/TTr-TMP	*Đồng Nai, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-HĐQT ngày 15/6/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SXKD năm 2026, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết điều chỉnh, bổ sung

Sau khi rà soát và đánh giá, một số nhiệm vụ cần được bổ sung để bảo đảm vận hành an toàn, liên tục và tin cậy các nhà máy; bảo đảm an ninh, an toàn công trình, PCCC, an toàn đập và vùng hạ du; xử lý kịp thời các hư hỏng thiết bị, công trình, đồng thời chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật cho công tác sửa chữa lớn. Năm 2027, TMP dự kiến triển khai khối lượng sửa chữa lớn tương đối nhiều, tập trung vào các hạng mục trọng điểm của Nhà máy như thay thanh dẫn stator, thay hệ thống điều khiển và bảo vệ nhà máy... Vì vậy, việc chủ động triển khai một số hạng mục thuộc kế hoạch năm 2027 đã có phương án kỹ thuật, có tính cấp thiết và có khả năng hoàn thành trong năm 2026 là cần thiết.

Trên cơ sở kết quả SXKD thực hiện 9 tháng đầu năm, ước thực hiện năm 2026 và khả năng cân đối tài chính, TMP đã rà soát từng hạng mục theo các tiêu chí: tính cần thiết, mức độ ưu tiên, tình trạng chuẩn bị hồ sơ, khả năng lựa chọn nhà thầu, tiến độ thực hiện, khả năng nghiệm thu và ghi nhận chi phí trong năm 2026 để đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

2. Nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung

2.1. Điều chỉnh, bổ sung chi phí năm 2026

Đề nghị điều chỉnh kế hoạch chi phí O&M năm 2026, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2026 ĐHĐCĐ thông qua	KH 2026 đề nghị điều chỉnh
1	Vật liệu cố định	Triệu đồng	9.130	10.147
2	Tiền lương và BHXH	Triệu đồng	36.175	36.175

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2026 ĐHĐCĐ thông qua	KH 2026 đề nghị điều chỉnh
3	Dịch vụ mua ngoài khác	Triệu đồng	35.326	35.097
4	Sửa chữa lớn	Triệu đồng	47.071	38.994
5	Chi phí khác bằng tiền	Triệu đồng	34.651	45.736
	- Ăn ca	Triệu đồng	1.156	1.156
	- Chi phí bằng tiền khác	Triệu đồng	33.495	44.580
	Tổng cộng O&M	**Triệu đồng**	**162.353**	**166.149**
	Công suất lắp đặt (MW)	**MW**	**190,8**	**190,8**
	Chỉ tiêu O&M/MW	**Trđ/MW**	**850,90**	**870,80**

Chi tiết các hạng mục bổ sung kế hoạch năm 2026 như Phụ lục 01 đính kèm.

2.2. Điều chỉnh, bổ sung TSCĐ năm 2026

Đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2026 với giá trị là 11.316,33 triệu đồng (trong đó điều chỉnh 10.602,33 triệu đồng do chuyển từ các hạng mục chi phí sang danh mục mua sắm TSCĐ và đăng ký bổ sung danh mục mua sắm TSCĐ mới là 714,00 triệu đồng), cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
I	**Điều chỉnh sang danh mục mua sắm TSCĐ**	**10.602,33**
1	Máy tính xách tay loại 1	138,00
2	Máy tính xách tay loại 2	259,70
3	Màn hình tương tác	71,50
4	Thiết bị hội nghị trực tuyến	98,75
5	Thiết bị chuyển mạch	68,23
6	Tivi 85 inch	40,41
7	Camera họp trực tuyến Zoom	42,77
8	Thiết bị hội nghị truyền hình	505,79

TT	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
9	Hệ thống điều khiển và bảo vệ nhà máy TĐTM	8.077,19
9.1	Máy chủ dữ liệu - Full Server	729,08
9.2	Máy chủ dữ liệu quá khứ và trạm báo cáo - Historical Server	364,54
9.3	Máy chủ kỹ thuật tích hợp chức năng quản lý RLBV - Engineering Station and Protection Relay Management	364,54
9.4	Phần mềm SCADA	5.621,00
9.5	Phần mềm lập trình cho hệ thống LCU, BCU và MU	722,70
9.6	Phần mềm quản lý hệ thống rơle bảo vệ	178,97
9.7	Phần mềm văn phòng Microsoft Office, phần mềm cơ sở dữ liệu	96,36
10	Hệ thống nghịch lưu NMTĐ Thác Mơ	1.299,99
II	**Đăng ký bổ sung danh mục mua sắm TSCĐ**	**714,00**
1	Máy khắc laser fiber, khắc màu	180,00
2	Xe ô tô điện nội bộ	534,00
	TỔNG (I) + (II)	**11.316,33**

3. Tác động đến kết quả SXKD năm 2026

Sau khi điều chỉnh, bổ sung chi phí năm 2026, các chỉ tiêu ước thực hiện như sau:

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2026	UTH trước điều chỉnh	UTH sau điều chỉnh bổ sung	Tỷ lệ % trước BS	Tỷ lệ % sau BS
		(1)	*(2)*	*(3)*	*(2)/(1)*	*(3)/(1)*
1	Sản lượng (triệu kWh)	762	806	806	106%	106%
	Thủy điện	*693*	*734*	*734*	*106%*	*106%*
	Điện mặt trời	*69*	*72*	*72*	*104%*	*104%*
2	Doanh thu (tỷ đồng)	676,17	868,10	868,10	128%	128%

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2026	UTH trước điều chỉnh	UTH sau điều chỉnh bổ sung	Tỷ lệ % trước BS	Tỷ lệ % sau BS
		(1)	*(2)*	*(3)*	*(2)/(1)*	*(3)/(1)*
3	Chi phí (tỷ đồng)	386,06	403,10	417,29	104%	108%
4	LNTT (tỷ đồng)	290,11	465,01	450,82	160%	155%
5	LNST (tỷ đồng)	246,88	387,83	376,47	157%	152%

4. Đề xuất và kiến nghị

Tổng giám đốc kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét các nội dung sau:

1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch SXKD năm 2026 chi tiết tại mục 2.1 nêu trên.

2. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục Tài sản cố định năm 2026, chi tiết tại mục 2.2 nêu trên.

3. Giao Tổng giám đốc căn cứ mức độ cần thiết, tình trạng hồ sơ, kết quả SXKD, khả năng cân đối tài chính và tiến độ thực tế để quyết định triển khai từng hạng mục trong phạm vi kế hoạch được chấp thuận; chỉ thực hiện các hạng mục đủ điều kiện và có khả năng hoàn thành, nghiệm thu theo quy định.

Kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên (để b/c);
- Ban TGĐ (để p/h);
- TCKT (để p/h);
- MSC, KTAT, PXVH (để p/h);
- Lưu: VT, HCLĐ, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Nguyễn Lê Hoàng

Phụ lục 01:

Các hạng mục bổ sung kế hoạch năm 2026

(Đính kèm báo cáo số /BC-TMP ngày /10/2026)

TT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ (đồng)	THUẾ GTGT (đồng)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ (đồng)
I	**CÁC HẠNG MỤC CHI PHÍ ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH NĂM 2026**	**6.805.785.679**	**413.211.154**	**7.218.996.833**
1	Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy H2	1.242.000.000	99.360.000	1.341.360.000
2	Vật tư, thiết bị phục vụ an toàn vận hành và bảo vệ công trình			
	Lắp đặt trạm cảnh báo xả nước phục vụ an toàn vùng hạ du	165.283.000	13.222.640	178.505.640
	Bổ sung chiếu sáng, camera giám sát và biển báo an toàn công trình	921.305.063	74.159.305	995.464.368
3	Khắc phục hư hỏng, xuống cấp các công trình phục vụ SXKD			
	Sửa chữa kho vật tư A	*390.334.575*	32.320.166	422.654.741
	Sửa chữa hư hỏng nhà bảo vệ và tường rào	*184.113.041*	14.729.043	198.842.084
4	Thực hiện chương trình an sinh xã hội năm 2026	1.660.000.000	-	1.660.000.000
5	Khắc phục hư hỏng, bảo dưỡng các trạm inverter Nhà máy điện mặt trời	2.242.750.000	179.420.000	2.422.170.000
II	**CÁC HẠNG MỤC THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2027 ĐỀ NGHỊ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2026**	**7.384.288.616**	**590.743.089**	**7.975.031.705**
1	Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy H1	1.178.600.000	94.288.000	1.272.888.000
2	Sửa chữa công trình sản xuất, hệ thống bảo vệ và hạ tầng vận hành nhà máy			
	Sửa chữa tòa nhà máy thủy điện	*1.679.001.964*	*134.320.157*	*1.813.322.121*
	Sửa chữa và khắc phục xuống cấp nhà tời đập tràn	*232.448.012*	*18.595.841*	*251.043.853*
3	Sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ quản lý, điều hành và sinh hoạt của công nhân vận hành			

TT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ (đồng)	THUẾ GTGT (đồng)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ (đồng)
	Sửa chữa hạ tầng khuôn viên trụ sở Công ty	*973.844.653*	*77.907.572*	*1.051.752.225*
	Sửa chữa nhà ở công nhân vận hành khu B	*1.360.788.723*	*108.863.098*	*1.469.651.821*
	Sửa chữa thấm dột và hư hỏng nhà làm việc Đồng Xoài	*196.121.116*	*15.689.690*	*211.810.806*
4	Cập nhật, bổ sung bộ tiêu chuẩn kỹ thuật IEC, IEEE phục vụ quản lý vận hành và thí nghiệm thiết bị điện	117.205.200	9.376.416	126.581.616
5	Tư vấn kỹ thuật phục vụ an toàn hồ đập và chuẩn bị các công trình sửa chữa, nâng cấp năm 2027			
	Khảo sát, thiết kế cải tạo phòng điều khiển tập trung phục vụ công tác quản lý vận hành	*71.077.981*	*5.686.238*	*76.764.219*
	Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật nâng cấp hệ thống điện tự dùng A1, A2	*408.856.615*	*32.708.529*	*441.565.144*
	Khảo sát, thiết kế sửa chữa lớn cửa nhận nước năm 2027	*427.398.665*	*34.191.893*	*461.590.558*
	Rà soát, cập nhật bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ thủy điện Thác Mơ	738.945.687	*59.115.655*	*798.061.342*
	TỔNG CỘNG	**14.190.074.295**	**1.003.954.243**	**15.194.028.538**